

Bản án số: 23/2018/HS-ST
Ngày 10-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC QUANG, TỈNH HÀ GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Tuấn Vĩnh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông: Nguyễn Hồng Diệm

Bà: Lý Thị Vui

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhung - Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Hà Xuyên - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 18/2018/TLST-HS ngày 29-5-2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2018/QĐXXST-HS ngày 25 tháng 6 năm 2018 đối với bị cáo:

Nguyễn Hoài S, sinh ngày 07-7-1993 tại HY, TQ. Nơi cư trú: xóm T, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q; Nghề nghiệp: Lái xe; Dân tộc: Tày; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Trình độ học vấn: 12/12; Con ông Nguyễn Mạnh T, sinh năm 1970 và bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1970; Có vợ là Trần Thị N, sinh năm: 1989; Có 02 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2017; Anh chị em ruột: Có 02 anh em, bị cáo là con thứ hai trong gia đình; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tốt; Bị bắt tạm giữ từ ngày 23-02-2018 đến ngày 04-3-2018, sau đó bị cáo được áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 04-3-2018, có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

+ Chị Đinh Thị H, sinh năm 1975; Nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện Y, tỉnh Q. Vắng mặt nhưng có đơn ủy quyền cho anh Đỗ Trung S1 tham gia tố tụng.

+ Anh Đỗ Trung S1, sinh năm 1973; Nơi cư trú: thôn 2, xã N, huyện Y, tỉnh Q. Có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q. Có mặt.

+ Anh Đồng Văn D, sinh năm 1990; Nơi cư trú: Xóm 3, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

+ Anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1979; Nơi cư trú: thôn I, xã Đ, huyện H, tỉnh T. Vắng mặt (có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- *Người làm chứng*: Anh Nguyễn Xuân H1, sinh năm 1984. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2018 Nguyễn Hoài S, sinh năm 1993; cư trú tại thôn T, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q có đi làm thuê tại xã T, huyện Q, tỉnh G. Tại đây S nghe mọi người nói anh Đỗ Trung S1, sinh năm 1973; cư trú tại thôn 2, xã N, huyện Y, tỉnh Q để 01 chiếc xe ô tô bị hỏng ở đường đi vào nhà máy thủy điện sông Lô 6 thuộc địa phận thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang. Đến ngày 06-02-2018 S nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe ô tô. S gọi điện thoại di động cho anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1983; Cư trú tại xóm T, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q nói có chiếc xe ô tô muốn thuê anh C đóng xe ô tô tải thành xe công nông, anh C đồng ý. Đến 14 giờ cùng ngày S gọi điện thoại cho anh Nguyễn Xuân Tr, sinh năm 1979; Cư trú tại thôn II, xã Đ, huyện H, tỉnh T hỏi thuê xe ô tô cứu hộ để chở chiếc xe ô tô để tại thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang về xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q nhưng do anh Tr bận nên đã từ chối S. Đến khoảng 10 giờ ngày 07-02-2018 S đi lên thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo xem chiếc xe ô tô có còn không. Sau đó, S đi về nhà bố mẹ đẻ tại thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Q chơi. Đến 16 giờ cùng ngày S tiếp tục gọi điện thoại cho anh Tr để thuê xe. Qua trao đổi anh Tr đồng ý chở thuê với giá 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn) và hẹn 16 giờ ngày 08-02-2018 sẽ đón S tại km 40 thuộc địa phận thị trấn Y, huyện Y, tỉnh Q. Như đã hẹn 16 giờ ngày 08-02-2018 anh Tr điều khiển xe cứu hộ nhãn hiệu THACO biển kiểm soát 19C-08420 đi cùng bố vợ là Phạm Xuân D, sinh năm 1958; Cư trú tại thôn II, xã Đ, huyện H, tỉnh T đến đón S để lên thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang. Khoảng 17 giờ 30 phút thì đến nơi, quan sát trời tối, không có người qua lại; Chiếc xe ô tô S màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, loại xe tải tự đổ, sản xuất năm 2008, số máy 490Q(DI)0720231A, số khung CL 4025D2000622, xe bị hỏng, bóp méo phần đầu ca bin, Sơn bị bong tróc, xe không gắn biển kiểm soát để ở bên tay phải đường nhựa liên thôn Khuổi Phạt - Sông Lô 6 nên S bảo anh Tr cầu chiếc xe ô tô tải lên xe ô tô cứu hộ để đem về xã T, huyện Yên S. Khi đến nhà anh C, S gọi điện cho anh C nói xe ô tô tải để ở ngoài cổng rồi và lấy tiền trả cho anh Tr 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn). Sau đó, anh Tr và ông D điều khiển xe cứu hộ về nhà còn S về nhà tại thôn T, xã Q, huyện Yên S. Khoảng 08 giờ ngày 09-02-2018 S đến nhà anh Đồng Văn D, sinh năm 1990; Cư trú tại xóm 3, xã Q, huyện Yên S hỏi anh D có mua thùng xe và cabin xe ô tô tải không? Qua trao đổi S

không nói cho anh D biết chiếc xe là do S trộm cắp mà có, anh D trả chiếc thùng xe và cabin xe ô tô tải với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng chẵn). Anh D trả trước cho S 3.000.000đ (Ba triệu đồng chẵn), Số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng chẵn) còn lại đến chiều cùng ngày anh D có gửi anh C để đưa cho S. Sau đó, anh D có bán thùng xe cho Nguyễn Văn X, sinh năm 1980; Cư trú tại thôn V, xã V, huyện L, tỉnh P với số tiền 5.325.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng). Khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày S đến nhà C lấy tiền và thỏa thuận kích thước để đóng phần còn lại của xe ô tô tải thành xe công nông. Đến sáng ngày 11-02-2018 S thay đổi ý định nên gọi điện cho anh C hỏi có mua phần khung xe không? anh C đồng ý mua với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn). Đến 09 giờ ngày 11-02-2018 anh C cầm 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng chẵn) ra cây xăng số 10 thuộc địa phận xã Q, huyện Yên S để gửi anh Nguyễn Xuân H, sinh năm 1984; Cư trú tại tổ dân phố T, thị trấn Y, huyện Y là lái xe buýt tuyến Y - Bệnh viện đa khoa V để gửi tiền cho S. Toàn bộ số tiền bán xe ô tô tải S đã chi tiêu cá nhân hết. Ngày 15-02-2018 anh S1 đến Công an huyện Bắc Quang trình báo sự việc. Ngày 23-02-2018 S đến Công an huyện Bắc Quang đầu thú và thừa nhận hành vi trộm cắp chiếc xe ô tô tải nhãn hiệu Cửu Long, sơn màu xanh, không có biển kiểm soát, bị hỏng và thiếu nhiều bộ phận để tại phía bên phải đường nhựa liên thôn Khuổi Phạt - Sông Lô 6 thuộc thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang xảy ra ngày 08-02-2018.

Tại biên bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 02-3-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang đã kết luận: 01 xe ô tô sơn màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, loại xe tải tự đổ, sản xuất năm 2008, số máy 490Q(DI)0720231A, số khung CL402502000622, xe bị hỏng, bóp méo phần đầu ca bin, sơn bị bong tróc; kính chắn gió phía trước, badosoc, mặt nạ, hai cần gạt nước, cánh cửa bên lái, gương chiếu hậu bên lái, gương cầu lồi, kính bên cánh cửa phụ, bộ đèn xi nhan, đèn chiếu sáng, chân dầm hai bên, bình ắc quy, nắp ben của thùng không có, cần gương chiếu hậu bên phụ bị gấp méo, xe không gắn biển kiểm soát có giá trị là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng).

Tại Bản cáo trạng số 18/CT-VKSBQ ngày 27-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Nguyễn Hoài S về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Hoài S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản cáo trạng đã nêu.

Bị hại Đỗ Trung S1 khai: Khoảng tháng 01 năm 2018, do xe ô tô của anh, nhãn hiệu Cửu Long, biển kiểm soát 22C - 01975 bị vỡ kính chắn gió nên anh để xe ô tô tại lán của nhà ông T thuộc thôn P, xã H, huyện Q, tỉnh G, anh để xe ô tô lại đó khoảng 01 tháng và anh vẫn thường lên để xem xe, tuy nhiên vào khoảng 10 giờ ngày 15-02-2018 anh có đến chỗ anh để xe ô tô để kiểm tra thì không thấy xe ô tô ở đó, nên anh đến Công an để trình báo việc mất xe ô tô nói trên.

Trước khi mở phiên tòa bị cáo S đã bồi thường cho anh 37.000.000đ (Ba bảy triệu đồng), hiện tại anh không yêu cầu bị cáo bồi thường thêm gì và anh cũng xin Hội đồng xét xử cho anh được xin lại tài sản của anh mà Chi cục Thi hành án huyện Bắc Quang đang lưu giữ, anh đề nghị tòa án xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo S, ngoài ra anh không có ý kiến gì thêm.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Nguyễn Văn C khai ngày 08-02-2018 S thuê xe cầu kéo một chiếc ô tô tải nhãn hiệu Cửu Long, xe cũ qua sử dụng bị hỏng, bị bóp méo phần cabin đến xưởng sửa chữa đóng công nông của tôi S để xe trước cửa xưởng của tôi, vì trước đó S gọi điện cho tôi là có một xe ô tô cần đóng thành xe công nông, tôi đồng ý thống nhất đóng xe công nông cho S. Sau khi để xe ở xưởng S bảo tôi sau đó S đi về nhà đến sáng hôm sau ngày 09-02-2018 S gọi điện cho tôi và bảo là đã bán cabin và thùng xe ô tô cho người khác ông chỉ đóng thành xe công nông thôi, sau đó hai vợ chồng anh D đến xưởng đóng công nông của tôi và bảo với tôi là S bán phần thùng xe và cabin cho anh D, sau đó hai vợ chồng anh D tháo và cắt phần cabin và thùng xe. Sau khi cắt xong D đưa cho tôi 2.000.000đ (Hai triệu đồng) để gửi cho S. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày S đến xưởng của tôi lấy số tiền 2.000.000đ (Hai triệu đồng) và thống nhất với tôi kích cỡ kích thước và giá tiền để đóng thùng xe công nông. Đến khoảng 16 giờ ngày 10-02-2018 S gọi điện cho tôi và bảo không đóng xe công nông nữa, S muốn bán xe và hỏi ai muốn mua thì bán, thấy S nói vậy tôi thống nhất với S là bán xe cho tôi trừ phần cabin và thùng xe mà S đã bán, phần xe còn lại S bán cho tôi với giá 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng). Đến sáng ngày 11-02-2018 S gọi điện yêu cầu tôi trả tiền bán xe, S bảo tôi gửi tiền qua anh lái xe buýt chạy tuyến Bệnh viện đa khoa V - Y để trả cho S. Đến khoảng 9 giờ ngày 11-02-2018 tôi đã gửi cho anh lái xe buýt số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) để gửi cho S. Quá trình mua bán giữa tôi và S không làm giấy tờ gì và S cũng không nói cho tôi chiếc xe là do S trộm cắp mà có, mà S nói với tôi xe đó là do S mua lại nên tôi đã đồng ý mua. Hiện tại, tôi thấy hoàn cảnh của S cũng khó khăn nên tôi yêu cầu S phải hoàn trả lại cho tôi 10.000.000đ (Mười triệu đồng) ngoài ra tôi không có yêu cầu gì thêm.

Đồng Văn D khai ngày 09-02-2018 khi đang ngồi tại xưởng thì S có điều khiển xe máy đến xưởng của tôi và hỏi tôi có mua sắt vụn không, S nói muốn bán 01 thùng xe và 01 cabin giá bao nhiêu? Tôi cũng trả lời với S "Em phải xem sắt như thế nào thì mới trả được giá" sau đó S bảo và đưa tôi đi xem, S dẫn tôi đi đến xưởng của anh C khi đến nơi tôi thấy 01 xe ô tô loại xe tải 2,5 tấn, S màu xanh, tình trạng xe lúc đó tôi thấy bị móp méo, hư hỏng nặng. Sau khi xem xe xong tôi và S thống nhất bán 01 thùng xe và 01 cabin với giá 5.000.000đ (Năm triệu đồng). Quá trình mua bán giữa tôi và S không làm giấy tờ gì và S cũng không nói cho tôi chiếc xe là do S trộm cắp mà có, mà S nói với tôi xe đó là do S mua lại nên tôi đã đồng ý mua. Sau khi mua bán xong với S ngày 10-02-2018

tôi bán 01 thùng xe cho một người tên H ở xã V, huyện L, tỉnh P được số tiền là 5.325.000đ (Năm triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn đồng), còn chiếc cabin tôi vẫn chưa bán. Sau đó cơ quan Công an đến thông báo về việc số tài sản tôi mua của S là do S trộm cắp mà có, do vậy tôi đã tự nguyện giao nộp lại cabin cho cơ quan điều tra. Hiện tại tôi không có yêu cầu gì đối với S.

Nguyễn Xuân Tr khai giữa tôi và S không quen biết gì nhau. ngày 06-02-2018 S gọi điện thoại cho tôi thuê tôi chở chiếc ô tô hỏng không đi được S nói đó là xe ô tô của S mua lại của bạn thuê tôi chở từ xã H về TQ, nhưng hôm đó tôi có việc bận nên tôi từ chối, ngày 07-02-2018 S lại gọi điện cho tôi lúc đó tôi đồng ý, tôi và S thống nhất cước chở là 3.000.000đ (Ba triệu đồng) thỏa thuận giá cả xong tôi hẹn S chiều hôm sau lên đó đi. Khoảng 14 giờ 30 phút 08-02-2018 tôi lái xe cứu hộ của nhà tôi đi để kéo chiếc xe ô tô bị hỏng của S như đã hẹn trước. đến khoảng 16 giờ tôi đến thị trấn Tân Yên - Hàm Yên gọi S qua cây xăng km 40 Tuyên Quang - Hà Giang khoảng 300m thì gặp S, S chỉ tôi đi lên theo hướng Hà Giang. Đến đoạn rẽ vào đường Thủy điện sông Lô 6 S chỉ tôi đi vào đó, đi từ đường quốc lộ vào khoảng 400m, phía bên phải tôi thấy có 01 chiếc ô tô nhãn hiệu Cửu Long, loại 2,5 tấn S chỉ tôi bảo rằng đó là xe của S. Tôi quay xe cầu lên xong vào khoảng 17 giờ 30 phút tôi cùng S chở xe về khu nhà của S tại km 12 đường Q - G nhưng khi đến đó S nói chở xuống 01 xưởng sửa chữa ô tô tại km 4 đường tránh lũ TQ. Khi tôi đến xưởng sửa chữa ô tô đó hạ xe ô tô của S xuống cửa xưởng thì S thanh toán tiền chở xe cho tôi 3.000.000đ (Ba triệu đồng) sau đó tôi đi về. Hiện tại tôi không có yêu cầu gì đối với S.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa thấy rằng: Hành vi của bị cáo Nguyễn Hoài S đã đủ yếu tố cấu thành tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, khoản 2 Điều 65 BLHS. Xử phạt bị cáo từ 24 tháng đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 tháng đến 60 tháng, không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Trường và anh Dũng không yêu cầu gì, nên đề nghị không xem xét. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Chung yêu cầu bị cáo S phải bồi thường 10.000.000đ (Mười triệu đồng), thấy đây là yêu cầu có cơ sở nên đề nghị áp dụng Điều 579, 580 Bộ luật dân sự, yêu cầu bị cáo phải hoàn trả 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho anh Chung.

Vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 106 BLTTHS, Điều 48 BLHS trả lại tài sản cho bị hại (tình trạng vật chứng theo như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan CSĐT Công an huyện Bắc Quang với Chi cục THADS huyện Bắc Quang).

Lời nói sau cùng của bị cáo: Bị cáo biết là sai, vi phạm pháp luật, bị cáo xin hứa không bao giờ tái phạm. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên. Do đó các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án là hợp pháp.

Tại phiên tòa vắng mặt bị hại (có đơn ủy quyền), người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, nhưng họ đều có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa, vắng mặt người làm chứng không có lý do, căn cứ vào khoản 1 Điều 292, khoản 1 Điều 293 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử theo thủ tục chung.

[2] Về căn cứ định tội, định khung hình phạt: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự ngày 02-3-2018 của Hội đồng định giá tài sản huyện Bắc Quang, bản ảnh vật chứng, lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai người bị hại, lời khai người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, lời khai người làm chứng, cũng như nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát cùng các chứng cứ, tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 17 giờ ngày 08-02-2018, tại thôn Khuổi Phạt, xã Vinh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang, bị cáo Nguyễn Hoài S đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc ô tô S màu xanh, nhãn hiệu Cửu Long, loại xe tải tự đổ, sản xuất năm 2008, số máy 490Q(DI)0720231A, số khung CL 402502000622, xe bị hỏng, bóp méo phần đầu ca bin, sơn bị bong tróc, xe không gắn biển kiểm soát trị giá 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) của vợ chồng anh Đỗ Trung S1, cư trú tại thôn 2, xã N, huyện Y, tỉnh Q. Hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự quy định: *“Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”*

Như vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Quang truy tố bị cáo Nguyễn Hoài S về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra là nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác là khách thể bảo vệ của luật hình sự. Bị cáo có hiểu biết xã hội nhất định nên có thể nhận thức được quyền sở hữu tài sản của người khác là thiêng liêng bất khả xâm phạm, nhưng do lười lao động, mong muốn có tiền để tiêu sài nên đã lợi dụng sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản nên bị cáo đã lén lút trộm cắp gây thiệt hại nhất định về kinh tế của người bị hại. Hành vi phạm tội mà bị cáo gây ra làm mất trật tự trị an tại địa phương, ảnh hưởng xấu đến dư luận quần chúng của nhân dân trên địa bàn huyện Bắc Quang, coi thường quyền sở hữu tài sản của người khác.

Đối với hành vi mua bán bộ phận xe ô tô của Nguyễn Văn C và Đồng Văn D: Quá trình mua bán C và D không biết chiếc ô tô bị hỏng bị cáo bán cho C và D là do phạm tội mà có vì vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với C và D là có căn cứ; Trong vụ án này Nguyễn Xuân Tr có hành vi vận chuyển xe ô tô S trộm cắp được từ thôn Khuổi Phạt, xã Vĩnh Hảo, huyện Bắc Quang, tỉnh Hà Giang về Tuyên Quang, quá trình vận chuyển Tr không biết xe ô tô là do S phạm tội mà có vì vậy cơ quan điều tra không xử lý trách nhiệm hình sự đối với Trường là có căn cứ.

[3] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân và hình phạt đối với bị cáo: Bị cáo Nguyễn Hoài S không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo Nguyễn Hoài S được hưởng các tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội bồi thường thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, người phạm tội đầu thú, bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo, bị cáo là trụ cột chính trong gia đình, một mình bị cáo phải nuôi 02 con còn nhỏ, vợ bị cáo đi làm ăn xa. Đây là những tình tiết được quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự; xét về nhân thân bị cáo Nguyễn Hoài S thấy rằng bị cáo chưa có tiền án, tiền sự, nhân thân tốt. Căn cứ vào tình chất mức độ của hành vi phạm tội của bị cáo, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ, nhân thân của bị cáo, bị cáo có nơi cư trú ổn định, rõ ràng, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà xử phạt bị cáo hình phạt tù nhưng cho hưởng án treo là phù hợp với quy định tại khoản 1, 2 Điều 65 của Bộ luật hình sự, như vậy cũng đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội sau này, nó cũng thể hiện được tính nhân đạo và lượng khoan hồng của pháp luật Nhà nước ta.

[4] Về hình phạt bổ sung như phạt tiền: Do bị cáo là trụ cột chính trong gia đình, vợ bị cáo đi làm ăn xa, một mình bị cáo phải nuôi 02 con nhỏ. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt tù và không áp dụng hình phạt

bổ sung đối với bị cáo là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử. Do vậy, không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[5]. Về dân sự: Tại phiên tòa bị hại là anh Đỗ Trung S1 và người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Xuân Tr, Đồng Văn D không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là anh Nguyễn Văn C yêu cầu bị cáo bồi hoàn 10.000.000đ (Mười triệu đồng) mà anh C trả tiền mua đồ xe ô tô của bị cáo, tại phiên tòa bị cáo S chấp nhận yêu cầu của anh C. HĐXX thấy rằng yêu cầu của anh C là hợp pháp là có cơ sở để chấp nhận, buộc bị cáo S phải bồi hoàn toàn bộ số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng) cho anh C.

[6] Về vật chứng của vụ án: Đối với vật chứng mà Công an huyện Bắc Quang đã thu giữ cần trả lại cho bị hại (*tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 06-7-2018*).

Đối với chiếc điện thoại mà bị cáo dùng để liên lạc với anh Tr để thuê anh Tr chở xe, bị cáo đã làm rơi mất, cơ quan Công an huyện Bắc Quang đã không tìm thấy. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

Đối với thùng xe mà bị cáo S bán cho D, cơ quan Công an huyện Bắc Quang không thu hồi được. Do vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo còn phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự có giá ngạch theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 1 khoản 2 Điều 65; Điều 48 của Bộ luật hình sự; Điều 579, 580 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 3 Điều 106, khoản 2 Điều 136, Điều 331, Điều 333 và Điều 337 của Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Hoài S phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Hình phạt: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hoài S 24 (Hai mươi bốn) tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 48 (Bốn mươi tám) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Nguyễn Hoài S cho Ủy ban nhân dân xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

"Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo".

Về dân sự: Buộc bị cáo Nguyễn Hoài S phải hoàn trả cho anh Nguyễn Văn C; Nơi cư trú: Xóm T, xã Q, huyện Yên S, tỉnh Q số tiền là 10.000.000đ (Mười triệu đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và kể từ ngày bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền trên thì hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi trên số tiền còn phải thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Về vật chứng vụ án: Trả lại cho bị hại Đỗ Trung S1 01 bộ khung sắt xe ô tô, phần đầu phía trên khung có gắn máy của xe, phía trước có 02 lốp, phía sau có bộ đôi lốp kép (04 lốp), phần khung sắt có chữ CL4025D2000622, khung sắt cũ, han gỉ, đã qua sử dụng; 01 tổng phanh của xe ô tô, bầu hình tròn đường kính 25cm, chiều dài 8cm, ở giữa có trục sắt xuyên qua tâm dài 40cm, bị han gỉ, cũ đã qua sử dụng; 01 tổng côn của xe ô tô, bầu hình tròn đường kính 17cm, chiều dài 8cm, ở giữa có trục sắt xuyên qua tâm dài 37cm, bị han gỉ, cũ đã qua sử dụng; 01 cây vô lăng lái của xe ô tô, chiều dài 73cm, đường kính tay cầm là 45cm, trên vành vô lăng có nhiều vết nứt, vỡ với nhiều hình dạng khác nhau, cũ đã qua sử dụng; 01 vỏ ca bin của xe ô tô cũ đã qua sử dụng, bị móp méo, hư hỏng, biến dạng, màu S xanh, mặt ngoài cánh cửa bên phụ (bên phải) có chữ Cửa Long, không có cánh cửa bên lái (bên trái), không có hệ thống kính chắn gió và các phụ kiện khác; 01 ghế ngồi của xe ô tô, mặt tựa chiều rộng 80cm, chiều cao nhất 74cm, chiều cao trung bình là 50cm, mặt ghế có chiều rộng là 50cm, chiều dài là 80cm, ghế cũ đã qua sử dụng, bị han gỉ, biến dạng; 01 ghế ngồi của xe ô tô, mặt tựa chiều rộng 48cm, chiều cao là 74cm, mặt ghế chiều dài là 45cm, chiều rộng là 48cm, ghế cũ đã qua sử dụng, bị han gỉ, biến dạng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô, số 004283, biển số đăng ký: 22C - 01975, do Công an tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 23-7-2013; 01 giấy chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ số 0612187, do Trung tâm đăng kiểm phương tiện giao thông vận tải tỉnh Tuyên Quang cấp ngày 23-7-2013. *(tình trạng vật chứng như biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan công an huyện Bắc Quang và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Quang ngày 06-7-2018).*

Về án phí: Bị cáo Nguyễn Hoài S phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng) án phí dân sự có giá ngạch.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND huyện Bắc Quang;
- Công an huyện Bắc Quang (02 bản);
- Sở Tư pháp tỉnh Tuyên Quang;
- Chi cục THADS huyện Bắc Quang;
- UBND xã Tứ Quận, huyện Yên Sơn, tỉnh Tuyên Quang;
- Bị cáo;
- Bị hại, Người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THA phạt tù.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hà Tuấn Vĩnh